

**GIỚI THIỆU NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA  
LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN  
(Tại Hội nghị quán triệt việc thi hành và phổ biến Luật tại Bắc Giang)**

---

**TS, Luật sư Nguyễn Văn Điệp  
Nguyên Phó Giám đốc Học viện Tòa án,  
Tòa án nhân dân tối cao**

Thực hiện Nghị quyết số 613/2018/UBTVQH14 ngày 13/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019; Nghị quyết số 1967/UBPL14 ngày 27/12/2018 của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội về triển khai thực hiện Nghị quyết điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, Tòa án nhân dân tối cao được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng dự án Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án Quá trình xây dựng Dự án Luật, Tòa án nhân dân tối cao đã triển khai và tổng kết kết quả thực hiện thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng Luật quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Kết quả, ngày 16/6/2020, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án được ban hành xuất phát từ nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống; từ ý nghĩa, tầm quan trọng của hòa giải, đối thoại tại Tòa án; thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng về đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính thông qua việc xây dựng cơ chế pháp lý mới về hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đồng thời, có học tập có chọn lọc kinh nghiệm của một số quốc gia đã triển khai thành công mô hình này trên thực tiễn.

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án gồm 04 chương, 42 điều, với những nội dung cơ bản như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1)**

a) Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải, đối thoại tại Tòa án; quyền, nghĩa vụ của Hòa giải viên tại Tòa án, các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án; trách nhiệm của Tòa án đối với hoạt động hòa giải, đối thoại; trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại, công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án.

Ở đây cũng cần phân biệt giữa hòa giải và đối thoại thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Cụ thể như sau: Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự nhằm hỗ trợ các bên thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định (khoản 2 Điều 2 Luật). Đối

thoại tại Tòa án là hoạt động đối thoại do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính nhằm hỗ trợ các bên thống nhất giải quyết khiếu kiện hành chính (khoản 3 Đ2 Luật)

b) Hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật này được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; đơn khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

c) Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án không áp dụng (không điều chỉnh) các hoạt động hòa giải, đối thoại đã được quy định ở các Luật khác.

## **2. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án; chi phí hòa giải đối thoại (Điều 5, Điều 6 và Điều 9)**

Nhà nước khuyến khích các bên giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính bằng hình thức hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khuyến khích những người đủ điều kiện theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án làm Hòa giải viên; tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Để khuyến khích hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Nhà nước bảo đảm kinh phí hòa giải, đối thoại từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án do ngân sách Nhà nước bảo đảm, trừ các trường hợp sau đây thì chi phí hòa giải, đối thoại do các bên tham gia hòa giải, đối thoại chịu:

(i) Chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch;

(ii) Chi phí khi các bên thống nhất lựa chọn địa điểm hòa giải, đối thoại ngoài trụ sở Tòa án; chi phí khi Hòa giải viên xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mà tài sản đó nằm ngoài phạm vi địa giới hành chính của tỉnh nơi Tòa án có thẩm quyền giải quyết có trụ sở;

(iii) Chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài.

## **3. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 7)**

Hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án là hoạt động gắn với Tòa án, do Tòa án nhân dân tổ chức thực hiện. Do vậy, Luật này quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án, gồm:

(i) Tổ chức, quản lý hoạt động hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật, gồm: Chỉ định, hỗ trợ, hướng dẫn Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại; đánh giá, nhận xét kết quả hoạt động của Hòa giải viên; bố trí địa điểm, trang thiết bị và điều kiện bảo đảm khác cho hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đề xuất, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo quy định của pháp luật,...

(ii) Bỏ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, xóa tên Hòa giải viên; cấp, thu hồi thẻ Hòa giải viên; khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động hòa giải, đối thoại;

(iii) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải, đối thoại cho Hòa giải viên;

(iv) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này.

#### **4. Điều kiện để bổ nhiệm Hòa giải viên (Điều 10)**

Một trong những chính sách được thể chế tại Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là thu hút, huy động nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm trong xã hội tham gia phối hợp cùng Tòa án tiến hành hòa giải, đối thoại để giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính. Do vậy, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã quy định điều kiện bổ nhiệm Hòa giải viên như sau:

**4.1. Điều kiện cần:** Người muốn được bổ nhiệm hòa giải viên phải là: (i) Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; (ii) Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (iii) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự; (iv) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật.

**4.2. Điều kiện đủ:** Ngoài những điều kiện cần nói trên, người muốn được bổ nhiệm làm Hòa giải viên còn phải có đủ các điều kiện sau đây:

(i) Đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên Thi hành án dân sự, Thanh tra viên; là Luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác; là người có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư;

(ii) Có kinh nghiệm, kỹ năng hòa giải, đối thoại;

(iii) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao;

(iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp, trừ người đã là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thanh tra viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thẩm tra viên Tòa án ngạch Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký Tòa án ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp.

#### **4.3 Người không được bổ nhiệm làm Hòa giải viên:**

Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được bổ nhiệm làm Hòa giải viên:

(i) Không đáp ứng điều kiện cần và đủ nêu trên;

(ii) Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân, công nhân công an.

#### **5. Nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 3)**

Điều 3 Luật này quy định **09** nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án; trong đó nguyên tắc tự nguyện, nguyên tắc bảo mật thông tin và nguyên tắc linh hoạt trong hòa giải, đối thoại tại Tòa án là **03** nguyên tắc cơ bản nhất. Cụ thể:

✓ ***Về nguyên tắc tự nguyện trong hòa giải, đối thoại tại Tòa án***

Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là hoạt động trước tố tụng nhưng không mang tính bắt buộc. Người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đồng ý hoặc không đồng ý giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính bằng cơ chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án; nếu không đồng ý thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

Trong quá trình hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên phải luôn luôn tôn trọng sự tự nguyện của các bên; các nội dung thỏa thuận, thống nhất phải phản ánh đúng ý chí của các bên tham gia hòa giải, đối thoại; tuyệt đối không được đe dọa, ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ.

Mở rộng ra, có thể thấy, nguyên tắc tự nguyện cũng được thể hiện ngay ở cơ chế bổ nhiệm Hòa giải viên, bởi việc bổ nhiệm phải trên cơ sở đơn đề nghị của người có đủ điều kiện. Nguyên tắc tự nguyện này cũng được thể hiện ở cơ chế cho các bên quyền chọn lựa Hòa giải viên để tổ chức hòa giải vụ việc của họ.

✓ ***Về nguyên tắc bảo mật thông tin:***

Đây là nguyên tắc cơ bản của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, theo đó “*Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải, đối thoại phải được giữ bí mật*” (khoản 5 Điều 3), trừ trường hợp bên đã xuất trình tài liệu, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ hoặc phải sử dụng làm chứng cứ theo quy định của luật. Việc giữ bí mật đối với các thông tin trong quá trình hòa giải, đối thoại là yêu cầu bắt buộc; sẽ giúp các bên dễ dàng cởi mở chia sẻ thông tin, Hòa giải viên dễ tìm ra nguyên nhân phát sinh tranh chấp, những mâu thuẫn chủ yếu cần giải quyết...; đồng thời, Hòa giải viên sẽ thiết lập được mối liên hệ tốt với các bên tranh chấp, giúp việc tiến hành hòa giải, đối thoại được thuận lợi hơn.

✓ ***Phương thức hòa giải, đối thoại được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc:***

Phương thức hòa giải, đối thoại linh hoạt là một đặc điểm nổi bật của cơ chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án, việc tiến hành hòa giải, đối thoại không bị gò bó theo trình tự, thủ tục chặt chẽ như quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính mà người Thẩm phán phải tuân theo khi tiến hành hòa giải, đối thoại trong tố tụng. Trong quá trình hòa giải, Hòa giải viên được điều chỉnh các phương pháp, thời gian, địa điểm tiến hành hòa giải phù hợp với điều kiện của các bên, nhằm đạt được kết quả hòa giải thành, đối thoại thành.

**6. Trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại; công nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án và việc thi hành (Chương III từ Điều 16 đến Điều 41)**

Trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại và công nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án được thực hiện theo quy định của Luật này.

Để nhận được Quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại, các bên phải tiến hành theo trình tự, thủ tục gồm các bước sau:

***Bước 1: Nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ định Hòa giải viên***

Trong bước này, người khởi kiện, người yêu cầu gửi đơn đến Tòa án có thẩm quyền kèm theo tài liệu, chứng cứ. Sau đó, nếu đủ điều kiện để được hòa giải thì Tòa án sẽ phân công Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại, chỉ định Hòa giải viên...

***Bước 2: Chuẩn bị hòa giải, đối thoại***

Để thực hiện hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên phải chuẩn bị: Tiếp nhận và nghiên cứu đơn, tài liệu gửi kèm do Tòa án chuyển đến; Vào sổ theo dõi vụ việc; Xác định tư cách của người tham gia hòa giải, đối thoại; Xây dựng phương án hòa giải, đối thoại...

***Bước 3: Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại***

Khi các bên đồng ý gặp nhau để thống nhất phương án giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, đối thoại và thông báo cho các bên chậm nhất là 05 ngày trước ngày mở phiên hòa giải, đối thoại.

Trong phiên hòa giải sẽ gồm Hòa giải viên, các bên tham gia hòa giải, đối thoại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của họ, người phiên dịch, người được mời tham gia hòa giải, đối thoại trong trường hợp cần thiết.

Phiên hòa giải, đối thoại được thực hiện theo trình tự sau:

- Hòa giải viên giới thiệu thành phần tham gia; trình bày nội dung cần hòa giải, đối thoại; diễn biến quá trình chuẩn bị hòa giải, đối thoại; quyền, nghĩa vụ của mình...

- Người yêu cầu, khởi kiện hoặc người đại diện của họ trình bày nội dung yêu cầu, khởi kiện, đề xuất quan điểm những vấn đề cần hòa giải, đối thoại và hướng giải quyết (nếu có);

- Hòa giải viên hỗ trợ các bên tham gia hòa giải, đối thoại trao đổi ý kiến, trình bày các nội dung chưa rõ, đi đến thỏa thuận, thống nhất giải quyết tranh chấp, khiếu nại;

- Kết luận về những vấn đề các bên đã thống nhất, chưa thống nhất.

***Bước 4: Tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại***

Khi các bên đạt được sự thỏa thuận, thống nhất với nhau thì Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại.

Phiên họp này được tổ chức ngay sau phiên hòa giải, đối thoại hoặc vào thời gian phù hợp khác ở trụ sở Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc. Tại đó, Thẩm phán tham gia phiên họp ký xác nhận biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại.

***Bước 5: Ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành***

Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu.

Khi đó, nếu đủ điều kiện thì Thẩm phán ra quyết định. Ngược lại, nếu không đủ điều kiện thì không ra quyết định và chuyển biên bản cũng như tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính; được thi hành theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Quyết định này có thể bị xem xét lại theo đề nghị của các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án, theo kiến nghị của Viện kiểm sát nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này.

Trên đây là một số nội dung cơ bản của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Để Tòa án nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, triển khai thi hành hiệu quả Luật này, Tòa án nhân dân tối cao luôn mong muốn nhận được sự quan tâm, phối hợp của các cơ quan, cá nhân, tổ chức và đặc biệt là cơ quan thông tin báo chí để Luật sớm đi vào thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và công dân./.